

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 09/2023/HNGĐ - ST
Ngày 22 - 3 - 2023
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hảo và bà Lê Thị Bích Thuần.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2022/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982, (tên gọi khác là Nguyễn Thị T).

Cư trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn B1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1977, (tên gọi khác là Trần Văn T).

Cư trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn B1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2022 và những lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh Trần Quốc T kết hôn năm 2000, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, cưới có tổ chức, có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến (nay là thị trấn Bá Hiến), huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh

Phúc vào ngày 06 tháng 01 năm 2001; sau ngày kết hôn, chị về ngay gia đình anh T làm dâu, ở chung cùng gia đình anh T; được ít ngày sau được gia đình anh T cho ra ở riêng, trên đất và nhà hiện tại, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2015, mâu thuẫn càng tăng vào năm 2019, đến giữa năm 2019 vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay, thời gian sống ly thân thì anh T và gia đình anh cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, xong chị không về.

Nguyên nhân mâu thuẫn chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T là do anh T khi uống rượu chè vào, nghe người ngoài kích bác về công việc của chị về cắt tóc, gội đầu, làm móng chân tay, nên tỏ ra ghen tuông vô cớ, về nhà đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị và các con; sau đó anh T sa đà vào rượu chè, không chịu làm ăn, không cho chị vào nhà khi chị đi làm về muộn, vợ chồng đã sống ly thân lâu ngày, không cải thiện được tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Trần Thị Th, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2001; hai là Trần Ánh D, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2005 và cháu Trần Thanh P, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2014; hiện nay cả ba cháu đang ở với anh T; không ai có con riêng; ly hôn, do cháu Th đã trên 18 tuổi, tự lo được cuộc sống, cháu ở với ai thì cháu tự quyết định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu D và cháu P, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng, lựa chọn của các con, vì các cháu đang ở với anh T, để các cháu ổn định học tập và tiếp tục sử dụng các tài sản do anh chị làm ra mà chị không yêu cầu phân chia, mặt khác chị vẫn lo lắng cho các cháu thường ngày, đóng học cho các cháu ở nhà trường nên chị để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu và nếu anh T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị và anh T không nợ chung gì của ai và không cho ai vay chung, không nợ của bất kỳ tổ chức tín dụng nào; ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Bị đơn anh Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa, xong trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh T có ý kiến như sau: Anh và chị L kết hôn hợp pháp, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn và chị L về làm dâu gia đình anh; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trong việc làm ăn, phát triển kinh tế và có sự nghi ngờ lẫn nhau không chung thủy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ lẫn nhau và anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay; anh cũng muốn đón chị L về đoàn tụ, xong nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh cũng xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị L trình bày; hiện nay cả ba con đang ở với anh; do các cháu đang ở với anh, nên khi ly hôn anh đề nghị cho anh được quyền trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Theo như đơn của chị L, anh cũng không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập anh Trần Quốc T đến Tòa án để anh T trình bày quan điểm, nguyện vọng của anh, xong anh T không chấp hành; nhiều lần Tòa án và chính quyền địa phương đến nơi ở của anh để ghi lại ý kiến của anh, xong anh T cũng không hợp tác làm việc.

Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án cũng đã hỏi đến ý kiến, nguyện vọng của cháu Trần Ánh D và cháu Trần Thanh P các cháu cũng đã có quan điểm, lựa chọn ở với anh T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L; cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Ánh D, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2005 và cháu Trần Thanh P, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2014 cho anh Trần Quốc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Trần Quốc T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền của Tòa án và thủ tục tố tụng: Do các đương sự đăng ký nhân khẩu và cư trú tại tổ dân phố M, thị trấn B 1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; Tòa án đã tổ chức phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, xong anh T đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt; do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự; sau khi Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt cho anh T xong anh T không chấp hành; Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 15 tháng 3 năm 2023 và ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa; tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Quan hệ pháp luật mà Tòa án đang giải quyết là về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án và căn cứ vào việc trình bày của đương sự, xác nhận: Ngày 06 tháng 01 năm 2001 Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến (nay là thị trấn Bá Hiến), huyện Bình Xuyên đã đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị L và anh T; do đó hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, chung sống với nhau không có tình cảm, cuộc sống thường ngày hay xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T; anh T vắng mặt, xong cũng có quan điểm, chấp nhận đề nghị ly hôn của chị L, Tòa án cũng đã nhiều lần tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị, xong anh T không chấp hành, tự từ bỏ quyền được tham gia hòa giải; kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cũng xác định, mâu thuẫn giữa hai bên cũng khó có thể hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Quốc T.

[3]. Về nuôi con chung: Chị L và anh T đều xác nhận anh, chị có 03 con chung là Trần Thị Th, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2001, cháu Trần Ánh D, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2005 và cháu Trần Thanh P, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2014; hiện nay cả ba con đang ở với anh T; ly hôn đối với cháu Th đã thành niên và tự túc được cuộc sống, việc cháu ở với ai, do cháu tự quyết định; ly hôn, do chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu Th nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với cháu D và cháu P, trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án cũng đã hỏi nguyện vọng của các cháu và các cháu đều mong muốn tiếp tục ở với anh T; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án cũng xác định, mặc dù chị L không trực tiếp nuôi dưỡng các con, xong hàng ngày vẫn lo, chu cấp cho các con ăn học, ở địa phương anh T, chị L đều có khả năng về công việc, thu nhập, nơi ăn, chốn ở do đó cần giao cháu Trần Ánh D và cháu Trần Thanh P cho anh Trần Quốc T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét; chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1]. Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Quốc T

[2]. Về nuôi con chung: Giao cho anh Trần Quốc T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Ánh D, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2005 và cháu Trần Thanh P, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2014. Anh Trần Quốc T không yêu cầu chị Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con chung; chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0003990 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tấn Tám